

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BKHCN-KHTC
V/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch
và dự toán ngân sách KH,CN,
ĐMST&CĐS năm 2026

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Căn cứ thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH,CN,ĐMST&CĐS) năm 2026 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH KH,CN, ĐMST&CĐS GIAI ĐOẠN 2021-2025

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ từ năm 2021 đến 2024, 6 tháng đầu năm 2025 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng báo cáo đánh giá toàn diện tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán chi KH,CN,ĐMST&CĐS giai đoạn 2021-2025. Báo cáo cần phản ánh trung thực kết quả đạt được, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, khó khăn trong triển khai và đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo. Số liệu cụ thể trình bày theo các biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH,CN, ĐMST&CĐS GIAI ĐOẠN 2021-2025

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung đánh giá những kết quả nổi bật từ những hoạt động, nhiệm vụ KH,CN,ĐMST&CĐS bắt đầu thực hiện từ năm 2021 đến nay. Từ đó nhấn mạnh những đóng góp của hoạt động KH,CN,ĐMST&CĐS vào phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương, phát triển kinh tế - xã hội.

Việc đánh giá thông qua các chỉ tiêu đã đặt ra trong Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Các chiến lược, chương trình, Đề án trong lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các chỉ tiêu khác đã đề ra trong hoạt động KH,CN,ĐMST&CĐS giai đoạn 2021-

2025 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Báo cáo đánh giá cần nêu rõ kết quả thực hiện và khả năng hoàn thành kế hoạch KH,CN,ĐMST&CĐS giai đoạn 2021-2025. Kết quả đánh giá gồm các nội dung chính sau:

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH,CN,ĐMST&CĐS:

Báo cáo và đánh giá những kết quả đã đạt được trong việc triển khai các Kết luận, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ về KH,CN,ĐMST&CĐS đến thời điểm báo cáo, đặc biệt là kết quả thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024;...

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS đặc biệt là kết quả của hoạt động KH,CN,ĐMST&CĐS tác động đến phát triển kinh tế - xã hội trong từng lĩnh vực, bao gồm:

2.1. Hoạt động khoa học, công nghệ;

2.2. Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

2.3. Sở hữu trí tuệ;

2.4. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

2.5. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân;

2.6. Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số;

2.7. Bru chính, viễn thông, internet;

2.8. Chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử, Chính phủ số¹;

2.9. Kinh tế số, xã hội số;

2.10. Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Đánh giá tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy và hoạt động của các tổ chức KH&CN; tình hình thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của

¹ Theo Công văn số 237/BKHCN-CĐSQG ngày 20/3/2025 của Bộ KH&CN gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1150/CĐSQG-CSS ngày 20/5/2025 gửi các đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan trung ương và các Sở KH&CN đề nghị báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số được Thủ tướng Chính phủ giao.

Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số².

3.3. Kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi được giao quản lý bao gồm: Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; phòng thí nghiệm trọng điểm; hạ tầng số; hạ tầng thông tin KH&CN; tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN.

Đối với kết quả phát triển các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo về việc thành lập, mở rộng; nguồn vốn và kết quả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; kết quả thu hút đầu tư nói chung và thu hút các dự án công nghệ cao, thu hút nguồn nhân lực; kết quả hoạt động công nghệ cao, hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ (đặc biệt đối với các rào cản về cơ chế, chính sách, hạ tầng, nhân lực chất lượng cao).

3.4. Đối với các bộ, cơ quan trung ương có các phòng thí nghiệm trọng điểm³: Căn cứ quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BKHCN ngày 02/7/2010 đánh giá hoạt động và báo cáo việc sử dụng kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên năm 2025 cho các hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; đề xuất với bộ ngành chủ quản, Bộ KH&CN và các cơ quan liên quan về giải pháp xử lý các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; giải pháp điều chỉnh hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm.

3.5. Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ được giao triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, báo cáo về việc triển khai các nội dung liên quan đến xây dựng phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, đề xuất cơ chế hỗ trợ cùng chia sẻ, dùng chung một số cơ sở hạ tầng phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu và các kiến nghị cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức triển khai hoạt động này.

4. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác theo hướng dẫn của Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp KH&CN từ ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

5. Đối với các bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì các Chương trình Sản phẩm quốc gia về KH&CN; các nhiệm vụ KH&CN

² Theo Công văn số 1001/BKHCN-TCCB ngày 21/4/2025 của Bộ KH&CN gửi các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

³ Bộ NN&MT, Bộ GD&ĐT, Bộ QP, Bộ CT, Bộ KH&CN, Viện Hàn lâm KH&CN VN, Đại học QGHN, Đại học QGHCM.

đặc biệt cấp quốc gia⁴, Đề án hoặc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia⁵..., tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo các mục tiêu, nội dung và sản phẩm đã được phê duyệt làm cơ sở để Bộ KH&CN tổng hợp báo cáo Chính phủ, Quốc hội.

6. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển (ĐTPT) lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2025

Các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá tình hình chi ĐTPT ngành KHCN năm 2025 theo hướng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện phân bổ, giải ngân năm 2025 đến hết tháng 6/2025 và dự kiến cả năm 2025, bao gồm chi trực tiếp từ lĩnh vực khoa học, công nghệ (sử dụng nguồn kinh phí KH&CN) và chi cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được bố trí từ tất cả các lĩnh vực chi ngân sách nhà nước khác (chi ĐTPT của các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực thông tin, các nhiệm vụ chi ĐTPT về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, Đề án 06...). Trong đó các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần làm rõ các nhiệm vụ hoàn thành và kết thúc năm 2025 và kinh phí đã bố trí năm 2025 tương ứng, các chương trình, dự án chuyển tiếp (tổng kinh phí phê duyệt, số đã bố trí năm 2025 và tổng số lũy kế đến hết năm 2025, số còn phải bố trí).

Đánh giá tác động của các dự án KHCN đến phát triển KTXH, bao gồm:

- Kết quả triển khai các dự án quan trọng quốc gia (nếu có), dự án liên kết vùng, và dự án có tác động lan tỏa.

- Kết quả triển khai các dự án phục vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

Tổng kết các bài học từ quá trình triển khai kế hoạch ĐTPT năm 2025, đặc biệt là trong quản lý, điều hành, phối hợp giữa các cơ quan, và sử dụng các nguồn lực khác.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KH,CN,ĐMST&CĐS

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát, đánh giá, báo cáo về tình hình phân bổ, giải ngân năm 2025 thực tế đến hết tháng 06/2025 và dự kiến cả năm 2025, trong đó bao gồm chi NSNN (ĐTPT và kinh phí thường xuyên) trực tiếp từ lĩnh vực KH&CN và chi cho các nhiệm vụ bản chất là KH,CN,ĐMST&CĐS đang được bố trí từ các lĩnh vực chi khác (lĩnh vực an ninh, quốc phòng; quản lý hành chính; hoạt động kinh tế; giáo dục; y tế; văn hóa thông tin; ...). Trong đó làm rõ các nhiệm vụ kết thúc năm 2025 và kinh phí đã bố trí năm 2025, các nhiệm vụ chuyển tiếp (tổng kinh phí phê duyệt, số đã bố trí năm 2025 và tổng số lũy kế đến hết năm 2025, số còn phải bố trí).

⁴ Bộ Quốc phòng (03 SPQG); Văn phòng Trung ương Đảng (KX.04/21-25); Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (KX.02/21-25); Đại học Quốc gia Hà Nội (Bộ địa chỉ Quốc gia Việt Nam); Viện Hàn lâm KHXH VN (Đề án biên soạn Bách khoa thư).

⁵ Bộ Công thương (Chương trình khai thác và chế biến khoáng sản).

Đối với các dự án sử dụng nguồn kinh phí đầu tư phát triển cần báo cáo, đánh giá cụ thể thêm như sau:

- Tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch ĐTPT năm 2025:

+ Báo cáo chi tiết việc giao, điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTPT theo từng nguồn vốn (NSNN trung ương, NSNN địa phương, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập).

+ Đánh giá tiến độ phân bổ vốn cho các dự án KH, CN, bao gồm các dự án nghiên cứu, phát triển công nghệ, ĐMST, và CDS.

+ Làm rõ các nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm theo thẩm quyền của Chính phủ, đảm bảo không vượt tổng mức vốn đã được giao trước ngày 15 tháng 12 năm kế hoạch, theo quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 85/2025/NĐ-CP.

- Tình hình thực hiện và giải ngân vốn ĐTPT:

+ Báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân vốn trong 6 tháng đầu năm 2025, ước thực hiện cả năm 2025, chi tiết theo từng nguồn vốn và từng nhiệm vụ/dự án.

+ Làm rõ tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án liên quan đến công nghệ cao, AI, vi mạch bán dẫn, và CDS.

+ Đánh giá trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo tiến độ giải ngân và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nêu rõ các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH, CN, ĐMST & CDS, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH, CN, ĐMST & CDS cho giai đoạn tới.

Đối với việc sử dụng nguồn kinh phí ĐTPT cần: (i) Nêu rõ các tồn tại, hạn chế trong triển khai, giải ngân vốn ĐTPT (ví dụ: chậm tiến độ, thiếu nguồn lực, vướng mắc pháp lý); (ii) Phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan, bao gồm các vấn đề liên quan đến năng lực quản lý và tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị và (iii) Đề xuất các giải pháp khắc phục.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KH, CN, ĐMST & CDS NĂM 2026

Định hướng hoạt động KH, CN, ĐMST & CDS năm 2026 trong từng lĩnh vực được nêu tại **Phụ lục 1** kèm theo Công văn này.

PHẦN THỨ BA

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH, CN, ĐMST & CDS NĂM 2026

I. CĂN CỨ

Các căn cứ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST & CDS năm 2026 được nêu tại Danh mục các căn cứ kèm theo Công văn này.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG, LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH,CN,ĐMST&CĐS NĂM 2026

Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện việc lập dự toán ngân sách KH,CN,ĐMST&CĐS theo quy định mới của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi và các quy định mới của pháp luật có liên quan. Để đảm bảo phạm vi tổng hợp đầy đủ các khoản chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH,CN,ĐMST&CĐS (gồm cả chi ĐTPT, chi thường xuyên của NSTW, NSDP) ở tất cả các lĩnh vực chi, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN thực hiện một số nội dung sau:

1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2026 bao gồm: (i) dự toán chi ĐTPT, (ii) dự toán chi sự nghiệp KH,CN,ĐMST&CĐS cho ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Các nội dung chi ngân sách nhà nước cho KHCN, ĐMST đã được quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ hướng dẫn khung cơ cấu chi, xây dựng kế hoạch NSNN cho KH,CN,ĐMST&CĐS, gửi về Bộ KH&CN để tổng hợp, bao gồm:

a) Tổng nhu cầu kinh phí;

b) Thuyết minh về dự kiến nhu cầu kinh phí theo từng nhóm nội dung:

(i) Chi thực hiện các nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ;

(ii) Chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

(iii) Chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KHCN; Chi hoạt động bộ máy, duy trì năng lực nghiên cứu trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

(iv) Chi thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP; nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao;

(v) Chi mua sắm tăng cường một số trang thiết bị nghiên cứu, cải tạo, sửa chữa các trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm.

(vi) Chi thực hiện hoạt động ĐMST, KNST gồm: tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; áp dụng các hệ thống quản lý, quản trị số và công cụ năng suất chất lượng; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thành lập, vận hành quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, địa phương.

(vii) Các khoản chi khác có liên quan.

(viii) Chi ĐTPT lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần ưu tiên đăng ký dự toán ngân sách cho KH,CN,ĐMST&CĐS đối với một số nội dung:

- Ưu tiên nhiệm vụ, dự án giải quyết các bài toán phục vụ công tác quản lý nhà nước, ưu tiên việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tạo ra sản phẩm, hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội;

- Ưu tiên nhiệm vụ, dự án triển khai các Nghị quyết đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết 03/NQ-CP và Nghị quyết 71/NQ-CP thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, các Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Ưu tiên đề xuất các nhiệm vụ, dự án đầu tư thực hiện mục tiêu phát triển công nghệ chiến lược. Bộ KH&CN sẽ cân đối, điều chỉnh tổng thể để bảo đảm tỉ lệ chi ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược;

- Ưu tiên các nhiệm vụ đăng ký trong Chương trình KHCN cấp quốc gia đặc biệt, Chương trình KHCN cấp quốc gia;

- Ưu tiên các bài toán lớn về KH,CN,ĐMST&CDS có tính cấp thiết, giải quyết ngay vấn đề cấp bách và tầm ảnh hưởng đã được các bộ, cơ quan trung ương và địa phương công bố năm 2025;

- Ưu tiên đề xuất nhiệm vụ, dự án về KH,CN,ĐMST&CDS theo hướng cân đối hài hòa về tỷ lệ nguồn lực dành cho từng lĩnh vực: (i) KH,CN, (ii) ĐMST, (iii) CDS;

- Ưu tiên cho các nhiệm vụ, dự án có sự liên kết giữa “3 nhà” nhà nước, viện trường và doanh nghiệp trong đó nhà nước tài trợ nhiệm vụ, viện trường thực hiện nghiên cứu và doanh nghiệp là chủ thể để thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

- Kế hoạch đầu tư công năm 2026 cho phát triển KH,CN,ĐMST&CDS cần bảo đảm nguyên tắc ưu tiên bao gồm:

(i) Bám sát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Đảm bảo khả năng cân đối NSNN và khả năng giải ngân vốn trong năm 2026, phù hợp với tiến độ thực hiện và nhu cầu thực tế.

(ii) Tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển KTXH; Ưu tiên các dự án KH,CN,ĐMST&CDS có tính đột phá, bao gồm: Ưu tiên các dự án phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược, phòng thí nghiệm công nghệ chiến lược và bố trí nguồn lực cho đầu tư các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm về mô hình hợp tác “3 nhà”;

(iii) Thúc đẩy các dự án tạo không gian phát triển mới, kết nối liên vùng, liên ngành, và có tác động lan tỏa, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

(iv) Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, tránh dàn trải, manh mún và tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15;

(v) Phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và các quy định sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 85/2025/NĐ-CP.

4. Dự toán các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp từ năm 2025 sang năm 2026:

- Đối với các nhiệm vụ, dự án KH,CN,ĐMST&CĐS từ trước đến nay đang bố trí trong lĩnh vực KH&CN sẽ tiếp tục được tổng hợp trong lĩnh vực này.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án KH,CN,ĐMST&CĐS từ trước đến nay đang bố trí trong lĩnh vực chi khác, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương không tiếp tục đề xuất bố trí trong lĩnh vực chi NSNN như năm 2025⁶ mà tổng hợp vào lĩnh vực chi KH,CN,ĐMST&CĐS *(trong đó cần báo cáo rõ số kinh phí đã bố trí cho các nhiệm vụ này nhằm phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình...)*.

5. Dự toán các nhiệm vụ, dự án mở mới bắt đầu thực hiện từ năm 2026:

Dự toán đối với các nhiệm vụ, dự án mở mới bắt đầu thực hiện từ năm 2026 bao gồm các nhiệm vụ KH,CN,ĐMST&CĐS từ trước đến nay đang bố trí trong lĩnh vực KH&CN (sử dụng nguồn kinh phí KH&CN) và các nhiệm vụ bản chất là nhiệm vụ KH,CN,ĐMST&CĐS từ trước đến nay đang bố trí trong lĩnh vực chi khác.

III. HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYỀN CHI SỰ NGHIỆP KH,CN,ĐMST&CĐS NĂM 2026

Ngoài các nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính, trên cơ sở định hướng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực tại Phụ lục 1 kèm theo công văn này, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khi xây dựng, đăng ký dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2026 cần bảo đảm đúng quy định hiện hành, đúng chế độ, chính sách hiện hành và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đột phá phát triển trong lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công; Đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế. Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị các bộ, ngành và địa phương quan tâm, lưu ý một số nội dung sau:

1. Dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần dự kiến theo theo từng nguồn:

- + Vốn NSNN trung ương.
- + Vốn NSNN địa phương (NSDP).

2. Đối với chi hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khoa học công nghệ công lập:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập: xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, biên chế trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp

⁶ Như chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, Đề án 06 ...

công lập, đồng thời cần thuyết minh rõ căn cứ xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên phù hợp với phương án tự chủ giai đoạn ổn định tự chủ hiện hành.

b) Đối với việc lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức KH&CN công lập thuộc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, cần thuyết minh dự toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ hướng dẫn quy định tại các thông tư liên quan của Bộ trưởng Bộ KH&CN để đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia theo các thông báo của Bộ KH&CN. Hiện nay, Bộ KH&CN đang rà soát cơ cấu lại các chương trình KH&CN cấp quốc gia và xây dựng các chương trình mới để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như: Chương trình quốc gia phát triển công nghệ chiến lược; Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số;... Sau khi được phê duyệt, Bộ KH&CN sẽ thông báo để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương biết và phối hợp tham gia triển khai thực hiện chương trình.

4. Đối với những nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao trực tiếp cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương: các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động tổ chức thực hiện như nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đề nghị trình lãnh đạo Đảng, Chính phủ xem xét giao Bộ KH&CN hình thành nhiệm vụ cấp quốc gia và tổ chức thực hiện.

5. Dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tài trợ, đặt hàng mở mới được xây dựng trên cơ sở dự kiến số lượng nhiệm vụ mở mới của năm 2026, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước được xác định theo từng loại hình nhiệm vụ và ước kinh phí tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát.

6. Khi lập kế hoạch năm 2026, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần rà soát, đề xuất các nhiệm vụ KH, CN, ĐMST & CDS phù hợp với Nghị quyết 57-NQ/TW, các nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 71/NQ-CP, các nhiệm vụ triển khai theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản có liên quan. Các nhiệm vụ này được bố trí thành mục riêng trong biểu tổng hợp dự toán, có thuyết minh cụ thể về mục tiêu, nội dung, thời gian thực hiện và căn cứ chính sách, làm cơ sở cho Bộ KH&CN tổng hợp, theo dõi và đánh giá.

7. Đối với công tác mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước (nếu có) cần thực hiện theo các nguyên tắc và quy định của Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ.

8. Đối với các bộ, cơ quan trung ương được bố trí kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN trung ương và đối với các địa phương sử dụng nguồn kinh phí sự

ngành KH&CN hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022; xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho năm 2026 gửi trực tiếp về Bộ Tài chính, đồng thời tổng hợp chung trong dự toán của bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi Bộ KH&CN để phối hợp, theo dõi.

IV. HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC KH,CN,ĐMST&CDS NĂM 2026

1. Trên cơ sở định hướng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực tại Phụ lục 1 kèm theo công văn này, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần bám sát hướng dẫn tại Thông tư số 56/ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính, công văn số 8324/BTC-TH ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026; trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026 cần bảo đảm đúng đối tượng, phạm vi của Luật Đầu tư công, đúng nội dung, tính chất đầu tư, tiêu chí, nguyên tắc định mức phân bổ vốn đầu tư công; ngành, lĩnh vực đầu tư công (quy định tại Điều 4, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 85/2025/NĐ-CP); bám sát định hướng về cơ cấu, định hướng ưu tiên chi ngân sách nhà nước đối với từng lĩnh vực.

2. Nhu cầu vốn ĐTPT năm 2026

- Dự kiến nhu cầu vốn theo từng nguồn:

+ Vốn NSNN trung ương (bao gồm vốn ODA, vốn vay ưu đãi).

+ Vốn NSNN địa phương (NSDP).

+ Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chi tiết nhu cầu vốn theo từng nhiệm vụ/dự án, bao gồm:

+ Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025.

+ Các dự án mới thuộc các lĩnh vực ưu tiên (AI, CDS, công nghệ xanh, v.v.).

- Các nhiệm vụ quy hoạch và chuẩn bị đầu tư, bao gồm việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định (nếu có).

3. Khả năng huy động vốn từ các nguồn khác

- Đánh giá khả năng huy động vốn từ khu vực tư nhân, tổ chức quốc tế, và các nguồn vốn hợp pháp khác, đặc biệt thông qua các quỹ KHCN và ĐMST.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách để khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào các dự án KHCN, đảm bảo đồng bộ với các quy định về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn ĐTPT

- Tuân thủ thứ tự ưu tiên theo khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15.

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước (nếu có).

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp để hoàn thành theo tiến độ được phê duyệt.

- Bố trí vốn cho các nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, và các dự án mới đủ điều kiện theo quy định.

- Đảm bảo không vượt quá tổng mức đầu tư đã phê duyệt và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Tập trung bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún.

- Phù hợp với nội dung, tính chất của lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CDS.

- Đảm bảo cho mục tiêu, nhiệm vụ mang tính lâu dài.

5. Một số lưu ý khi lập kế hoạch đầu tư công cho lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CDS

5.1. Đối với các nhiệm vụ/chương trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2025 sang năm 2026

a) Các chương trình/dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trước đến nay vẫn đang được bố trí trong lĩnh vực khoa học, công nghệ tiếp tục tổng hợp trong lĩnh vực này.

b) Đối với các chương trình/dự án bản chất là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo pháp luật chuyên ngành từ trước đến nay đang bố trí trong các lĩnh vực chi NSNN khác như đã quy định tại Điều 22 Thông tư số 56/2025/TT-BTC, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổng hợp vào lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ KH&CN (trong đó báo cáo số bố trí đối với các nhiệm vụ này phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình).

5.2. Các chương trình/dự án mới phát sinh từ năm 2026

- Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổng hợp vào lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trong đó báo cáo số bố trí đối với các nhiệm vụ này phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình).

- Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập kế hoạch đầu tư công năm 2026 cần thuyết minh rõ tổng mức kinh phí từng dự án trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến bố trí năm 2026, kết quả dự kiến đạt được; kèm theo văn bản của cấp có thẩm quyền về việc xác định kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

5.3. Về nội hàm của chuyển đổi số: các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 85/2025/NĐ-CP, Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP để triển khai thực hiện.

5.4. Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp theo đúng tính chất nguồn vốn đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm tổng mức và cơ cấu chi phù hợp với định hướng, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất, bảo đảm hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật và cam kết thực hiện giải ngân theo đúng tiến độ đầu tư công do cấp có thẩm quyền chỉ đạo.

6. Ngoài các biểu, mẫu theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC và hướng dẫn tại công văn số 8324/BTC-TH ngày 13/6/2025, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện bổ sung các biểu mẫu kèm theo công văn này.

PHẦN THỨ TƯ **TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG** **KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH,CN,ĐMST&CĐS NĂM 2026**

- *Trước ngày 25/7/2025* các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc xây dựng kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS (bao gồm chi ĐTPPT và chi thường xuyên) năm 2026 gửi về Bộ KH&CN (bản điện tử kèm theo 02 bản giấy), đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định.

- Kế hoạch chi ĐTPPT năm 2026 cho lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương sau khi gửi Bộ KH&CN và Bộ Tài chính cần thực hiện đăng tải trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định.

- *Từ tháng 8/2025 đến tháng 12/2025*: Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc bố trí kế hoạch, và dự toán chi ngân sách KH,CN,ĐMST&CĐS năm 2026.

- *Trước ngày 31/12/2025*, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc.

PHẦN THỨ NĂM **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị sử dụng NSNN chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất; nội dung thuyết minh, hồ sơ, tài liệu, tính chính xác của số liệu, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, dự án và bảo đảm hiệu quả cùng với khả năng giải ngân phù hợp với tiến độ thực hiện nhiệm vụ, dự án đề xuất.

2. Bộ KH&CN tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS (bao gồm chi ĐTPPT và chi thường xuyên) của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Năm 2026 là năm đầu thực hiện Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, cũng là năm đầu thực hiện lập kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 28 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, trong quá triển khai, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương gặp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cần được báo cáo kịp thời về Bộ KH&CN để tổng hợp và đề xuất giải pháp xử lý.

Trên đây là hướng dẫn xây dựng kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS (bao gồm chi ĐTPPT và chi thường xuyên) năm 2026 để các bộ, cơ quan trung ương, địa phương biết và cùng phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Cục/Vụ/đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Hoàng Phương

CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH, CN, ĐMST & CDS NĂM 2026

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030;

- Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) số 89/2025/QH15;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12;

- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12, Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi);

- Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định này;

- Các chiến lược, chương trình, đề án bao gồm:

(i) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và định hướng kế hoạch tài chính quốc gia giai đoạn 2026-2030;

(ii) Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022);

(iii) Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021);

(iv) Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024);

(v) Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024);

(vi) Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021);

(vii) Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020);

(viii) Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022);

(ix) Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024);

(x) Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 và Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022);

(xi) Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030" (Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 16/6/2025);

(xii) Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 1/2/2021);

(xiii) Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 27/1/2021);

(xiv) Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2025);

(xv) Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021);

(xvi) Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020;

(xvii) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Quyết định 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020);

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường KH&CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

- Công văn số 8324/BTC-TH ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026.

**DANH SÁCH BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
VÀ ĐỊA PHƯƠNG NHẬN VĂN BẢN**

STT	ĐƠN VỊ
I.	CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
1.	Bộ Công an
2.	Bộ Quốc phòng (bao gồm: Ban cơ yếu Chính phủ; Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh)
3.	Bộ Công thương
4.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.	Bộ Xây dựng
6.	Bộ Y tế
7.	Bộ Tài chính
8.	Bộ Nội vụ
9.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
9.1	<i>Đại học Quốc gia Hà Nội</i>
9.2	<i>Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh</i>
10.	Bộ Khoa học và Công nghệ
11.	Bộ Tư pháp
12.	Bộ Ngoại giao
13.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
14.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
15.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
16.	Văn phòng Chính phủ
17.	Văn phòng Quốc hội
18.	Văn phòng Trung ương Đảng
19.	Đài Truyền hình Việt Nam
20.	Đài Tiếng nói Việt Nam
21.	Thông tấn xã Việt Nam
22.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
23.	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
24.	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
25.	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
26.	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
27.	Toà án nhân dân tối cao
28.	Kiểm toán Nhà nước
29.	Thanh tra Chính phủ
30.	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam
31.	Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (<i>Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản HCM, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam</i>)
32.	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

STT	ĐƠN VỊ
II.	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ
1.	Thành phố Hà Nội
2.	Thành phố Huế
3.	Quảng Ninh
4.	Cao Bằng
5.	Lạng Sơn
6.	Lai Châu
7.	Điện Biên
8.	Sơn La
9.	Thanh Hóa
10.	Nghệ An
11.	Hà Tĩnh
12.	Tuyên Quang
13.	Lào Cai
14.	Thái Nguyên
15.	Phú Thọ
16.	Bắc Ninh
17.	Hưng Yên
18.	Thành phố Hải Phòng
19.	Ninh Bình
20.	Quảng Trị
21.	Thành phố Đà Nẵng
22.	Quảng Ngãi
23.	Gia Lai
24.	Khánh Hòa
25.	Lâm Đồng
26.	Đắk Lắk
27.	Thành phố Hồ Chí Minh
28.	Đồng Nai
29.	Tây Ninh
30.	Thành phố Cần Thơ
31.	Vĩnh Long
32.	Đồng Tháp
33.	Cà Mau
34.	An Giang